

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

Tên học phần (tiếng Việt) : **Luật dân sự về quyền nhân thân và tài sản**  
Tên học phần (tiếng Anh) : General of Civil Law  
Mã học phần : **03488**  
Thuộc khối kiến thức : Đại cương ☐; Cơ sở nhóm ngành ☐;  
Cơ sở ngành ☐; Chuyên ngành ☐; Tốt nghiệp ☐  
Khoa, Bộ môn phụ trách : Luật  
Số tín chỉ (LT, TH, Tự học) : 3 (3,0,6)  
*Số giờ lý thuyết* : 45  
*Số giờ thực hành* : 0  
*Số giờ tự học* : 90  
Học phần tiên quyết : Không có  
Học phần học trước : Không có

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Những quy định chung của Luật dân sự là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Luật Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Môn học này cung cấp các kiến thức tổng quát về ngành luật dân sự và chế định về quyền nhân thân và tài sản của các chủ thể trong quan hệ dân sự.

### 3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên:

|           | Ký hiệu (Ox) | Mục tiêu học phần                                                                                           |
|-----------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiến thức | O1           | Phân tích được khái niệm, nguyên tắc của Luật dân sự, các quy định pháp luật về quyền nhân thân và tài sản. |

|                                  |           |                                                                                                                                                             |
|----------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kĩ năng</b>                   | <b>O2</b> | Áp dụng được kiến thức của Luật dân sự để giải quyết các tình huống thực tế.                                                                                |
|                                  | <b>O3</b> | Xây dựng kỹ năng phản biện, tranh luận các vấn đề thực tiễn liên quan đến Luật dân sự, các quy định pháp luật về quyền nhân thân và tài sản; quyền thừa kế. |
| <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b> | <b>O4</b> | Tôn trọng, chấp hành pháp luật về Luật dân sự, các quy định pháp luật về quyền nhân thân và tài sản..                                                       |

#### 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

| <b>O<sub>x</sub></b>             | <b>CLO<sub>x</sub></b>                                                                                | <b>PLO<sub>x</sub></b> |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Kiến thức</b>                 |                                                                                                       |                        |
| O1                               | CLO1. Phân tích được các quy định chung của Luật dân sự, quyền nhân thân và tài sản                   | PLO4<br>PLO6           |
| O2                               | CLO2. Giải quyết các tình huống thực tế phổ biến về Luật dân sự, quyền nhân thân và tài sản.          | PLO4<br>PLO6           |
| <b>Kỹ năng</b>                   |                                                                                                       |                        |
| O3                               | CLO3. Tham gia phản biện, tranh luận được quy định chung của Luật dân sự, quyền nhân thân và tài sản. | PLO6<br>PLO8           |
| <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b> |                                                                                                       |                        |
| O4                               | CLO4. Tuân thủ pháp luật đối với các vấn đề về quyền nhân thân và tài sản.                            | PLO3<br>PLO15          |

#### 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content, Lesson plan)

| <b>Buổi học<br/>(3 tiết)</b> | <b>Nội dung</b>                                                                                                                        | <b>CLO</b> | <b>Hoạt động dạy và học</b> | <b>Hoạt động đánh giá (Ax)</b> |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------|--------------------------------|
| 1                            | <b>Chương 1</b><br><b>Những quy định chung về Luật dân sự</b><br>1. 1.1 Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự | CLO1       | Thuyết giảng<br>Thảo luận   | A1.1                           |

|   |                                                                                                                                                   |                              |                           |      |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------|------|
|   | 1.2 Vị trí của Luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam                                                                                      |                              |                           |      |
| 2 | <b>Chương 1</b><br><b>Những quy định chung về luật dân sự (tt)</b><br>1.3 Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự<br>1.4 Nguồn của luật dân sự | CLO1                         | Thuyết giảng<br>Thảo luận | A1.1 |
| 3 | <b>Chương 2</b><br><b>Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự</b><br>2.1 Cá nhân                                                                         | CLO1                         | Thuyết giảng<br>Thảo luận | A1.1 |
| 4 | <b>Chương 2</b><br><b>Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự (tt)</b><br>2.1 Pháp nhân                                                                  | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận | A1.1 |
| 5 | <b>Chương 3</b><br><b>Khái quát về quyền nhân thân</b><br>3.1 Khái niệm<br>3.2 Đặc điểm<br>3.3 Ý nghĩa                                            | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận | A1.1 |
| 6 | <b>Chương 4.</b><br><b>Một số quyền nhân thân phổ biến</b><br>4.1 Quyền nhân thân không gắn với tài sản                                           | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận | A1.1 |
| 7 | <b>Chương 4.</b><br><b>Một số quyền nhân thân phổ biến (tt)</b><br>4.1 Quyền nhân thân gắn với tài sản                                            | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận | A1.1 |

|    |                                                                                                                                                          |                              |                                                             |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------|
| 8  | <b>Chương 5.</b><br><b>Khái quát về tài sản</b><br>5.1 Khái niệm<br>5.2 Phân loại<br>5.3 Ý nghĩa                                                         | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận                                   | A1.1         |
| 9  | <b>Chương 6.</b><br><b>Quyền sở hữu đối với tài sản</b><br>6.1 Khái niệm quyền sở hữu<br>6.2 Hình thức sở hữu                                            | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận<br>Làm bài tập tình huống         | A1.1<br>A1.2 |
| 10 | <b>Chương 6.</b><br><b>Quyền sở hữu đối với tài sản (tt)</b><br>6.3 Nội dung quyền sở hữu                                                                | CLO3<br>CLO4                 | Thuyết giảng<br>Thảo luận<br>Làm bài tiểu luận/thuyết trình | A1.1<br>A1.3 |
| 11 | <b>Chương 6.</b><br><b>Quyền sở hữu đối với tài sản (tt)</b><br>6.4 Xác lập quyền sở hữu                                                                 | CLO3<br>CLO4                 | Thuyết giảng<br>Thảo luận<br>Làm bài tiểu luận/thuyết trình | A1.1<br>A1.3 |
| 12 | <b>Chương 6.</b><br><b>Quyền sở hữu đối với tài sản (tt)</b><br>6.5 Chấm dứt quyền sở hữu                                                                | CLO3<br>CLO4                 | Thuyết giảng<br>Thảo luận<br>Làm bài tiểu luận/thuyết trình | A1.1<br>A1.3 |
| 13 | <b>Chương 7</b><br><b>Giới hạn quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản</b><br>7.1 Giới hạn quyền sở hữu<br>7.2 Quyền đối với bất động sản liền kề | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận<br>Bài tập tình huống             | A1.1<br>A1.2 |
| 14 | <b>Chương 7</b><br><b>Giới hạn quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản (tt)</b>                                                                   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3         | Thuyết giảng<br>Thảo luận<br>Bài tập tình                   | A1.1<br>A1.2 |

|    |                                                            |                              |                                                                |              |
|----|------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------|
|    | 7.3 Quyền hưởng dụng<br>7.4 Quyền bề mặt                   | CLO4                         | huống                                                          |              |
| 15 | Ôn tập - Hệ thống kiến thức -<br>Kiểm tra đánh giá giữa kỳ | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | Thuyết giảng<br>Thảo luận<br>Bài tập tiểu<br>luận/thuyết trình | A1.1<br>A1.3 |

## 6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (Course assessment)

| Hoạt động đánh giá            | Phương pháp đánh giá                        | CLO          | Tỷ lệ (%)   |
|-------------------------------|---------------------------------------------|--------------|-------------|
| <b>A1. Đánh giá quá trình</b> | A1.1. Tham gia hoạt động học tập            | CLO5         | 5%          |
|                               | A1.2. Bài tập tự luận                       | CLO3         | 5%          |
|                               | A1.3. Bài tiểu luận, thuyết trình theo nhóm | CLO2<br>CLO4 | 30%         |
| <b>A2. Đánh giá tổng kết</b>  | Bài kiểm tra tự luận                        | CLO1<br>CLO3 | 60%         |
| <b>Tổng</b>                   |                                             |              | <b>100%</b> |

**Công cụ đánh giá:** (Rubric chỉ dùng để đánh giá kỹ năng, thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm)

*Rubric của thành phần đánh giá A1.1 - Tham gia hoạt động học tập*

| Kiểm tra trên lớp                                           | Giỏi (8-10đ)                                                       | Khá (6-7đ)                                       | TB (5đ)                                                         | Yếu (3-4đ)                                         | Kém (0-3đ)                                         |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp (G1, G2, G3, G4) | Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập trong 8 – 10 buổi học | Xung phong trả lời hoặc lên trong 6 – 7 buổi học | Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập trong 2-3 buổi học | Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần | Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần |
| Điểm danh đi học đầy đủ (G4)                                | Đi học đầy đủ 100% các buổi điểm danh                              | Đi học 85% các buổi điểm danh                    | Đi học 60% các buổi điểm danh                                   | Đi học 30% các buổi điểm danh                      | Không đi học                                       |

*Rubric của thành phần đánh giá A1.2 - Bài tập tự luận*

| Kiểm tra | Giỏi (8-10đ) | Khá (6-7đ) | TB (5đ) | Yếu (3-4đ) | Kém (0-3đ) |
|----------|--------------|------------|---------|------------|------------|
|----------|--------------|------------|---------|------------|------------|

| <b>trên lớp</b>                                                                         |                                       |                                                     |                                                     |                                                     |                                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Bài kiểm tra nhận định, trắc nghiệm hoặc bài tập tình huống 30 phút<br>(G1, G2, G3, G4) | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>60 đến 80% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>50 đến 60% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>30 đến 50% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>30% |

*Rubric của thành phần đánh giá A1.3 - Bài tiểu luận, thuyết trình theo nhóm*

| <b>Kiểm tra<br/>trên lớp</b>                                                    | <b>Giỏi (8-10đ)</b>                                             | <b>Khá (6-7đ)</b>                                              | <b>TB (5đ)</b>                                                 | <b>Yếu (3-4đ)</b>                                              | <b>Kém (0-3đ)</b>                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Chấm điểm bài tiểu luận, thuyết trình có thời lượng 20 phút<br>(G1, G2, G3, G4) | Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 80 đến 100% | Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 60 đến 80% | Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 50 đến 60% | Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 30 đến 50% | Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu dưới 30% |

*Rubric của thành phần đánh giá A3 - Bài kiểm tra tự luận*

| <b>Kiểm tra<br/>trên lớp</b>                                                            | <b>Giỏi (8-10đ)</b>                   | <b>Khá (6-7đ)</b>                                   | <b>TB (5đ)</b>                                      | <b>Yếu (3-4đ)</b>                                   | <b>Kém (0-3đ)</b>                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Bài kiểm tra nhận định, trắc nghiệm hoặc bài tập tình huống 90 phút<br>(G1, G2, G3, G4) | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>60 đến 80% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>50 đến 60% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>30 đến 50% | Trả lời đúng<br>đáp án 80<br>đến 100%<br>30% |

## **7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (Course requirements and expectations)**

### **7.1. Dự lớp:**

- Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tham khảo tài liệu...).
- Theo qui định chung của trường.

### **7.2. Phần tự học của sinh viên:**

- Làm bài tập về nhà, đọc trước slide bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước khi học.

#### **8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO**

1/ Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Luật dân sự, Tập 1*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.

2/ Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ BÀI TẬP HOẶC THỰC HÀNH**

1. Laptop
2. Slides
3. Máy chiếu
4. Viết và bảng
5. Micro

*Tp.HCM, ngày      tháng      năm 2019*

**Trưởng Khoa**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Trưởng Bộ môn**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Giảng viên 1**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Giảng viên 2**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*